

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN HIỆP HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: **24/2018/DSST**

Ngày: 30/8/ 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Trương Đức Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đ- ong sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Văn H, sinh N 1962** - Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn: **Bà Ngô Thị N, sinh N 1963**- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh B.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N, sinh N 1960; Địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 N 2018 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (ông Nguyễn Văn H) trình bày như sau:

Quan hệ giữa ông H và bà Ngô Thị N có mối quan hệ quen biết do bà N trước đây làm Hội trưởng hội phụ nữ xã X và có quen biết người cháu bên họ hàng nhà ông H. Vì vậy, bà N đã nhiều lần hỏi vay tiền của ông, mục đích là để đáo sổ Ngân hàng cho các hộ dân ở xã X. Do tin tưởng nên ông đã cho bà N vay tiền nhiều lần, bà N có hẹn vay vài tháng thì trả nhưng sau đó bà N đã không trả cho ông, do vậy đến ngày 09/11/2013 âm lịch (ngày này không có trong giấy vay nợ nhưng ông có ghi khoản nợ này của bà N ở trong sổ sách của ông) ông và bà N đã lập “Giấy khát nợ” có nội dung bà N có vay nợ của ông tổng số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Toàn bộ nội dung của “Giấy khát nợ” này do bà N là người viết, trong đó bà N đã tự nguyện viết thời gian để trả nợ dần cho ông số tiền trên, nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả cho ông được đồng nào. Ông có xuống nhà bà N đòi tiền nhiều lần nhưng bà N đều khát nợ. Lần gần đây nhất ông xuống nhà bà N đòi tiền là N 2017 (ngày tháng ông không nhớ) thì bà N vẫn ở nhà và vẫn xin khát nợ tiền vay của ông. Từ đầu N 2018 đến nay ông không xuống nhà bà N nữa, ông có nhờ bạn ông ở gần nhà bà N hỏi hộ khi nào bà N có nhà thì ông xuống nhưng bạn ông đều nói bà N không có nhà, đi đâu không thấy về từ cuối N 2017. Ông có gọi điện cho bà N lần gần nhất là vào tháng 3/2018, bà N có bảo với ông là tháng 7/2018 (âm lịch) sẽ về trả tiền cho ông. Do bà N đã thất hứa với ông nhiều lần nên ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu bà Ngô Thị N buộc phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả khoản nợ gốc là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), ông không yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi cho ông.

*Bị đơn (bà Ngô Thị N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy **kh«ng** có lời khai trong hồ sơ.* Tòa án đã nhiều lần trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng bà N vắng mặt. Qua xác minh địa phương cung cấp: Bà Ngô Thị N có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh B. Tuy nhiên, bà N không có mặt tại địa phương từ cuối N 2017 đến nay, bà N đi đâu, làm gì địa phương không biết vì bà N không trình báo gì cho địa phương biết, bà N cũng không khai báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Địa phương chỉ

thấy có thông tin là bà N hiện đi chơi và ở cùng con gái, địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không nắm được và cũng không thấy bà N về chơi tại nhà con trai ở cùng Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2018 của ông Nguyễn Văn H đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thị N (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

Về yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, yêu cầu Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các văn bản tố tụng có liên quan đến quyền lợi của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Mặt khác, hiện nay chưa có quy định bắt buộc các trường hợp đương sự vắng mặt tại nơi cư trú thì Tòa án phải tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các văn bản tố tụng có liên quan đến quyền lợi của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Viện kiểm sát.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị N tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền sau đó bà N viết giấy khất nợ không đề ngày nhưng xác nhận bà N có vay của ông H số tiền là 115.000.000đ và hẹn đến ngày 20/12/2013 bà N trả cho ông H số tiền 50.000.000đ, số còn lại đến ngày 20/02/2014 trả tiếp 30.000.000đ, đến tháng 3/2014 trả 35.000.000đ. sau đó bà N còn ghi khất nợ vào ngày 27/12/2013 (âm lịch) và ngày 29/5/2014 (âm lịch), xác nhận là hợp đồng và thỏa thuận hợp pháp đ-ợc pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông H yêu cầu bà N phải trả 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền gốc còn nợ, thấy rằng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”, đến nay địa phương xác định không biết hiện nay bà N đang làm gì, ở đâu, phía ông H không được bà N thông báo địa chỉ nơi ở và làm việc của bà N hiện nay đang ở đâu, do đó bà N đã vi phạm về nghĩa vụ thông báo nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự như đã nêu trên và được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, việc giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được xác định phía bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên bà N được coi là đã biết việc ông H có đơn khởi kiện đối với bà N. Việc bà N không đến Tòa án làm việc, trình bày về hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho bà N có quyền thực hiện, vì vậy hậu quả của việc bà N không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà N phải gánh chịu. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ông H xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản ông H đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho bà N tổng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) và bà N đã nhận đủ số tiền này. Đến hạn trả nợ bà N không thanh toán trả ông H toàn bộ số tiền đã vay nên ông H có đơn khởi kiện bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Ngô Thị N còn nợ của ông Nguyễn Văn H 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng vay và giấy nhận nợ giữa hai bên ký kết, việc bà N không thanh toán trả tiền vay theo thỏa thuận đã vi phạm về thời hạn và nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, cần buộc bà Ngô Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn H số tiền gốc còn nợ là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Xét việc ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Ngô Thị N phải thanh toán tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy không xét xét giải quyết về lãi trong vụ án.

[3]. Về án phí: yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đ-ợc chấp nhận, vì vậy bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng-ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr-ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 281; 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H;

Buộc bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Ông Nguyễn Văn H phải không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự N 2005; khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H;

Buộc bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn H không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền 2.875.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001344 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ọc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ- ơng sự có mặt biết đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn